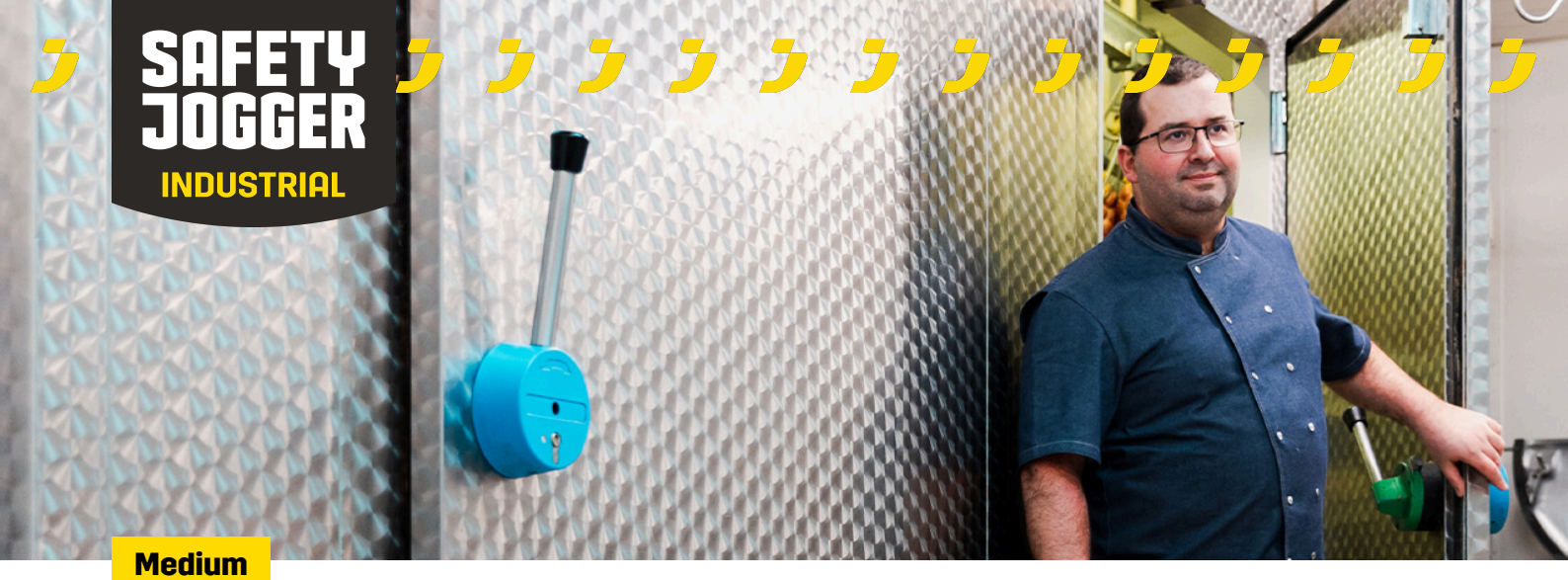


Medium

FLUX S2 SLIP ON LOW

FLUXS2LOW

Giày bảo h ộ c ổ thấp i, **dàn không ngành không** n ghiệ p thự c phẩm .

Giày bảo h ộ chân hà ,ở trên thoáng khí và bề sinh . Màng ại ạ trong ngành công n ghiệ p thự c phẩm .

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
ót bên trong i tái chế lưới	
rong Đ ệm chân SJ Memory Foam	
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S2 / SR, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.463 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

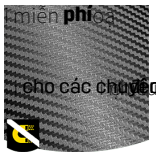
CO_2 7.71 kg



WHT



BLK



Kim l
Giày an toàn không có kim an siêu nhẹ toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia giày.



Lorica
Lorica là và độ chắc chắn vượt t phẩm có khả năng chống nước, u mỏ và vết bẩn đáp ứng tiêu chuẩn HACCP ắt nghiêm ng



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách nhiệt (CI) tối chân ủng được mặc trong môi



& nhiên
ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, kim l

Công nghiệp **n:**

Thự ccuphẩm m&Dphục vụ ăn uố ạnh g, Lưu hà ọ c , thuộ cv ề y h ọ c , Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rư ờn gt ạnh ờ ng môi khô

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Dagiày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách phù hợp. Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l q	Đ ờn g
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút mồ hôi	? 0.8			ờ i	mg/cm/g
	Top: hi nệ số thấm hút mồ hôi	? 15				mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế					
	L ớp lót: khả năng thấm hút mồ hôi	? 2			ờ i	mg/cm/g
	lót: hi nệ số thấm hút mồ hôi	? 20				mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ Memory Foam**					
	ệ m chân Độ ch ố n g mài mòn (khô/ướ t) (chu kỳ)	25600/12800				chu kỳ
goài	Đ **PU / PU**					
	Ch ố ma sát tĩnh (mài mòn) đế ngoài (	? 150				mm
	Chư ố trượ t gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31				ma sát
	rư Cột cố trượ t bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36				ma sát
	rư Cột SR ng G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19				ma sát
	Chư ố trượ t SR g G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22				ma sát
	ri ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000				megaohm
	ri ESD Giá t	0.1 - 100				megaohm
	Hấp thụ năng l ượ ng gót chân củ	? 20				J
Đ ứ n g đầ	**Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A				mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A				mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14				mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14				mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Không có phần nào trong tài liệu này có thể được sao chép hoặc sử dụng dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi. Safety Jogger và logo Safety Jogger là nhãn hiệu của Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l q	Đ ờn g
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		5.44		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			7.71 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ý **tái** ch ế				
	Product		10%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:

rị dược làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.